

Số: M71/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 145/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (NC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT; NC.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng



PHỤ LỤC

BẢNG MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG
TỈNH VÀ CÁC CHỖ TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1111 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- 34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; - 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1 Trung tâm Hội nghị tỉnh); - Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện.	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Tiếp nhận ngay các thủ tục, hồ sơ hoàn thiện trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét, quyết định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1 Trung tâm Hội nghị tỉnh); - Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện.	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 14, đường Điện Biên, phường	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ



Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1 Trung tâm Hội nghị tỉnh); - Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện.		quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định	Ghi chú
1	2.000295	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Loại bỏ khỏi danh mục công bố TTHC, vì được thực hiện giữa đối tượng và cơ sở trợ giúp xã hội (không có vai trò của cơ quan hành chính nhà nước).



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ TRONG
THỦ TỤC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
 (Bảng kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Trong thời hạn 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã,	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày UBND xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do phòng LĐTBXH nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến)	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện; cấp xã (nơi cư trú cũ và mới của đối tượng)	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội



		thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				
4	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
5	2.000777	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
6	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện; cấp xã	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
7	2.00744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch UBND huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND xã	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện; cấp xã	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

	Số hồ sơ HC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định	Căn cứ pháp lý; Quyết định đã phê duyệt ban hành TTHC
1	1.000674	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Yên Bái
2	2.000343	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
3	2.000335	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
4	2.002127	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	



PHỤ LỤC

**ANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Nghị định số 20/2021/NĐ- CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội